

PART 4: CÂU HỎI VỀ HÀM Ý CÂU NÓI



1. ĐẶC ĐIỂM CHUNG

- Tương tự Part 3, câu hỏi về hàm ý câu nói ở Part 4 yêu cầu thí sinh hiểu mục đích, ý nghĩa của một câu nói trong đoạn băng.
- Vị trí thông tin: dạng câu hỏi này thường là câu hỏi thứ 2 hoặc thứ 3 nên thông tin để trả lời sẽ nằm ở vị trí giữa hoặc cuối đoạn băng.

- Tương tự Part 3, câu hỏi về hàm ý câu nói ở Part 4 yêu cầu thí sinh hiểu mục đích, ý nghĩa của một câu nói trong đoạn băng.
- Vị trí thông tin: dạng câu hỏi này thường là câu hỏi thứ 2 hoặc thứ 3 nên thông tin để trả lời sẽ nằm ở vị trí giữa hoặc cuối đoạn băng.
- Câu hỏi về hàm ý câu nói thường có dạng:
Why does the speaker say, "..."?
What does the speaker **imply** when she says, "..."?

- Tương tự Part 3, câu hỏi về hàm ý câu nói ở Part 4 yêu cầu thí sinh hiểu mục đích, ý nghĩa của một câu nói trong đoạn băng.
- Vị trí thông tin: dạng câu hỏi này thường là câu hỏi thứ 2 hoặc thứ 3 nên thông tin để trả lời sẽ nằm ở vị trí giữa hoặc cuối đoạn băng.
- Câu hỏi về hàm ý câu nói thường có dạng:
Why does the speaker say, "..."?
What does the speaker **imply** when she says, "..."?
- Đây là dạng câu hỏi khó vì thông tin để trả lời nằm ở cả trước và sau câu nói; dấu hiệu thông tin sắp tới hơi khó nhận biết nên người nghe cần tập trung vào cả bài để không bỏ lỡ thông tin.

2. PHÂN TÍCH VÍ DỤ

- Example 1:

Q: What does the speaker say, "I'm free tomorrow afternoon"?

Tại sao người nói nói "Chiều mai tôi rảnh"?

(A) To accept an invitation.

Để chấp nhận một lời mời.

(B) To indicate a project is finished.

Để chỉ ra rằng một dự án đã được hoàn thành.

(C) To suggest a time to meet.

Để đề xuất một thời gian gặp mặt.

(D) To postpone a task.

Để trì hoãn một nhiệm vụ

- Đọc câu hỏi:

Q: What does the speaker say, "I'm free tomorrow afternoon"? => Câu hỏi hàm ý câu nói

Tại sao người nói nói "Chiều mai tôi rảnh"? => Câu hỏi cuối => Nghe thông tin đoạn cuối

(A) To accept an invitation.

Để chấp nhận một lời mời.

(B) To indicate a project is finished.

Để chỉ ra rằng một dự án đã được hoàn thành.

(C) To suggest a time to meet.

Để đề xuất một thời gian gặp mặt.

(D) To postpone a task.

Để trì hoãn một nhiệm vụ

- Nghe băng:



Q: What does the speaker say, "I'm free tomorrow afternoon"?

Tại sao người nói nói "Chiều mai tôi rảnh"?

(A) To accept an invitation.

Để chấp nhận một lời mời.

(B) To indicate a project is finished.

Để chỉ ra rằng một dự án đã được hoàn thành.

(C) To suggest a time to meet.

Để đề xuất một thời gian gặp mặt.

(D) To postpone a task.

Để trì hoãn một nhiệm vụ

- Chọn đáp án:

Đoạn băng chứa đáp án:

Also, umm, Martin didn't think there was much for us to prepare in advance, but... I don't know about that.

I'm free tomorrow afternoon. Let me know.

**Q: What does the speaker say,
"I'm free tomorrow afternoon"?**

Tại sao người nói nói

"Chiều mai tôi rảnh"?

(A) To accept an invitation.

Để chấp nhận một lời mời.

(B) To indicate a project is finished.

Để chỉ ra rằng một dự án đã được hoàn thành.

(C) To suggest a time to meet.

Để đề xuất một thời gian gặp mặt.

(D) To postpone a task.

Để trì hoãn một nhiệm vụ

- Chọn đáp án:

Đoạn băng chứa đáp án:

Also, umm, => dấu hiệu đưa thêm thông tin
Martin didn't think there was much for us to prepare in advance, but... I don't know about that.

I'm free tomorrow afternoon. Let me know.

Q: What does the speaker say, "I'm free tomorrow afternoon"?

Tại sao người nói nói

"Chiều mai tôi rảnh"?

(A) To accept an invitation.

Để chấp nhận một lời mời.

(B) To indicate a project is finished.

Để chỉ ra rằng một dự án đã được hoàn thành.

(C) To suggest a time to meet.

Để đề xuất một thời gian gặp mặt.

(D) To postpone a task.

Để trì hoãn một nhiệm vụ

- Chọn đáp án:

Đoạn băng chứa đáp án:

Also, umm, => dấu hiệu đưa thêm thông tin
Martin didn't think there was much for us to
prepare in advance, **but... I don't know about
that.** => ý kiến trái ngược với Martin = I think
we need to prepare in advance.

I'm free tomorrow afternoon. Let me know.

**Q: What does the speaker say,
"I'm free tomorrow afternoon"?**

Tại sao người nói nói

"Chiều mai tôi rảnh"?

(A) To accept an invitation.

Để chấp nhận một lời mời.

(B) To indicate a project is finished.

Để chỉ ra rằng một dự án đã được
hoàn thành.

(C) To suggest a time to meet.

Để đề xuất một thời gian gặp mặt.

(D) To postpone a task.

Để trì hoãn một nhiệm vụ

- Chọn đáp án:

Đoạn băng chứa đáp án:

Also, umm, => dấu hiệu đưa thêm thông tin
Martin didn't think there was much for us to prepare in advance, **but... I don't know about that.** => ý kiến trái ngược với Martin = I think we need to prepare in advance.

I'm free tomorrow afternoon. Let me know.

=> Hẹn gặp để bàn bạc

Dịch: **Ngoài ra, ừm,** Martin không nghĩ rằng có nhiều thứ để chúng ta chuẩn bị trước, **nhưng ... tôi không chắc về điều đó.**

Chiều mai tôi rảnh. Hãy cho tôi biết sớm nha.

Q: What does the speaker say, "I'm free tomorrow afternoon"?

Tại sao người nói nói

"Chiều mai tôi rảnh"?

(A) To accept an invitation.

Để chấp nhận một lời mời.

(B) To indicate a project is finished.

Để chỉ ra rằng một dự án đã được hoàn thành.

(C) To suggest a time to meet.

Để đề xuất một thời gian gặp mặt.

(D) To postpone a task.

Để trì hoãn một nhiệm vụ

- Example 2:

**Q: What does the speaker imply when she says,
"We really need to stay on top of this"?**

Người nói có ý gì khi nói

"Chúng ta thực sự cần phải kiểm soát tốt việc này"?

(A) There is a lot of work to do.

Có rất nhiều việc phải làm.

(B) It isn't that important.

Nó không quan trọng đến thế.

(C) They can wait a week to start.

Họ có thể đợi 1 tuần rồi mới bắt đầu.

(D) The project will begin soon.

Dự án sẽ bắt đầu sớm.

- Đọc câu hỏi:

- Xác định dạng câu hỏi hàm ý câu nói
- Câu hỏi thứ 2 => đáp án nằm ở phần **giữa** đoạn băng
- Chú ý từ **this** trong câu nói để thay thế cho sự việc được nhắc đến ở câu trước đó => cần nghe xem **this** là gì

Q: What does the speaker imply when she says, "We really need to stay on top of **this"?**

Người nói có ý gì khi nói

"Chúng ta thực sự cần phải kiểm soát tốt việc này"?

(A) There is a lot of work to do.

Có rất nhiều việc phải làm.

(B) It isn't that important.

Nó không quan trọng đến thế.

(C) They can wait a week to start.

Họ có thể đợi 1 tuần rồi mới bắt đầu.

(D) The project will begin soon.

Dự án sẽ bắt đầu sớm.

- Nghe băng:



Q: What does the speaker imply when she says, "We really need to stay on top of this"?

Người nói có ý gì khi nói

"Chúng ta thực sự cần phải kiểm soát tốt việc này"?

(A) There is a lot of work to do.

Có rất nhiều việc phải làm.

(B) It isn't that important.

Nó không quan trọng đến thế.

(C) They can wait a week to start.

Họ có thể đợi 1 tuần rồi mới bắt đầu.

(D) The project will begin soon.

Dự án sẽ bắt đầu sớm.

- Chọn đáp án:

- Mở đầu: nêu vấn đề: Our productivity assessment was quite poor. => tiếp theo là giải pháp

Q: What does the speaker imply when she says, "We really need to stay on top of this"?

Người nói có ý gì khi nói

"Chúng ta thực sự cần phải kiểm soát tốt việc này"?

(A) There is a lot of work to do.

Có rất nhiều việc phải làm.

(B) It isn't that important.

Nó không quan trọng đến thế.

(C) They can wait a week to start.

Họ có thể đợi 1 tuần rồi mới bắt đầu.

(D) The project will begin soon.

Dự án sẽ bắt đầu sớm.

- Chọn đáp án:

- Mở đầu: nêu vấn đề: Our productivity assessment was quite poor. => tiếp theo là giải pháp

- Đoạn chứa đáp án:

So we are going to have to put in some overtime to get ahead of schedule.

We really need to stay on top of this, or some people might get fired.

Q: What does the speaker imply when she says, "We really need to stay on top of this"?

Người nói có ý gì khi nói

"Chúng ta thực sự cần phải kiểm soát tốt việc này"?

(A) There is a lot of work to do.

Có rất nhiều việc phải làm.

(B) It isn't that important.

Nó không quan trọng đến thế.

(C) They can wait a week to start.

Họ có thể đợi 1 tuần rồi mới bắt đầu.

(D) The project will begin soon.

Dự án sẽ bắt đầu sớm.

- Chọn đáp án:

- Đoạn chứa đáp án:

So we are going to => việc sẽ làm
have to put in some overtime to
get ahead of schedule

**We really need to stay on top of
this**, or some people might get
fired.

**Q: What does the speaker imply when she says,
"We really need to stay on top of this"?**

Người nói có ý gì khi nói

"Chúng ta thực sự cần phải kiểm soát tốt việc này"?

(A) There is a lot of work to do.

Có rất nhiều việc phải làm.

(B) It isn't that important.

Nó không quan trọng đến thế.

(C) They can wait a week to start.

Họ có thể đợi 1 tuần rồi mới bắt đầu.

(D) The project will begin soon.

Dự án sẽ bắt đầu sớm.

- Chọn đáp án:

- Đoạn chứa đáp án:

So we are going to => việc sẽ làm
have to put in some overtime to
get ahead of schedule = this
We really need to stay on top of
this, or some people might get
fired.

Q: What does the speaker imply when she says,
"We really need to stay on top of this"?

Người nói có ý gì khi nói

"Chúng ta thực sự cần phải kiểm soát tốt việc này"?

(A) There is a lot of work to do.

Có rất nhiều việc phải làm.

(B) It isn't that important.

Nó không quan trọng đến thế.

(C) They can wait a week to start.

Họ có thể đợi 1 tuần rồi mới bắt đầu.

(D) The project will begin soon.

Dự án sẽ bắt đầu sớm.

- Chọn đáp án:

- Đoạn chứa đáp án:

So we are going to => việc sẽ làm
have to put in some overtime to
get ahead of schedule = this
We really need to stay on top of
this, or some people might get
fired.

Dịch: Vì vậy chúng ta sẽ phải áp
dụng làm thêm giờ để đi trước tiến
độ. Chúng ta thực sự phải kiểm
soát tốt việc này, nếu không vài
người có thể bị sa thải.

Q: What does the speaker imply when she says,
"We really need to stay on top of this"?

Người nói có ý gì khi nói

"Chúng ta thực sự cần phải kiểm soát tốt việc này"?

(A) There is a lot of work to do.

Có rất nhiều việc phải làm.

(B) It isn't that important.

Nó không quan trọng đến thế.

(C) They can wait a week to start.

Họ có thể đợi 1 tuần rồi mới bắt đầu.

(D) The project will begin soon.

Dự án sẽ bắt đầu sớm.

Lưu ý:

- Mặc dù câu chứa đáp án nằm ở phần giữa của đoạn băng nhưng ta cần hiểu cả đoạn đầu để nắm được logic và chắc chắn về câu trả lời.

Lưu ý:

- Mặc dù câu chứa đáp án nằm ở phần giữa của đoạn băng nhưng ta cần hiểu cả đoạn đầu để nắm được logic và chắc chắn về câu trả lời.
- Chú ý vào các từ/ cụm từ để chuyển ý: **However, by the way, unfortunately, so, actually, in addition to, as well as, also...** thường là dấu hiệu thông tin cho đáp án sắp tới.